



chāo dù

超度

verb · to release from purgatory (Buddhist ritual)

Example Sentences

sì miào wéi wáng zhě chāo dù líng hún
寺庙为亡者超度灵魂。

The temple releases the souls of the deceased.

tā qǐng hé shàng lái chāo dù zǔ xiān
他请和尚来超度祖先。

He invited monks to perform a ritual for his ancestors.

Trace each character, then write the word on your own.

超	超	超	超	超	超	超	超	超	超	超
超	超	超	超							
度	度	度	度	度	度	度	度	度	度	度
度										